

Số: 17299/BTC-CST
V/v trả lời kiến nghị của Tập đoàn
Vingroup.

Hà Nội, ngày 06 tháng 11 năm 2025

Kính gửi: Tập đoàn Vingroup – Công ty CP.

Bộ Tài chính nhận được công văn số 5709/BTP-KTVB&QLXLVPHC ngày 16/9/2025 của Bộ Tư pháp về rà soát, xử lý vướng mắc pháp luật trong hoạt động kinh doanh theo phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp. Về kiến nghị liên quan đến chính sách thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB), thuế thu nhập cá nhân (TNCN) và thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) tại Phụ lục IV kèm theo công văn số 446/2025/CV-VGR của Tập đoàn Vingroup – Công ty CP (Tập đoàn), Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

1. Kiến nghị liên quan đến thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn:

1.1. Nội dung kiến nghị tại STT 1 Phụ lục IV:

- Quy định chuyển nhượng dự án thuộc đối tượng không kê khai tính thuế GTGT ra đời trước đây với mục đích hỗ trợ doanh nghiệp bất động sản tái cơ cấu trong giai đoạn bong bóng bất động sản (khoảng 2013). Xét trên bối cảnh hiện nay, nhiều doanh nghiệp chịu tác động nặng nề của dịch bệnh, khủng hoảng kinh tế dẫn đến khó triển khai các dự án, ảnh hưởng đến doanh nghiệp và người lao động của doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung. Để khuyến khích các doanh nghiệp có năng lực tài chính nhận chuyển nhượng dự án và tiếp tục triển khai thì nên áp dụng đối tượng không chịu thuế GTGT đối với chuyển nhượng dự án.

- Bên nhận chuyển nhượng sau khi đầu tư, đưa dự án vào hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn kê khai nộp thuế GTGT đầy đủ vào ngân sách nhà nước. Nếu tính thuế GTGT với chuyển nhượng dự án sẽ tạo ra các khó khăn cho bên nhận chuyển nhượng. Trong khi dự án thường ở giai đoạn ban đầu, dù phát sinh thuế GTGT được khấu trừ nhưng còn thời gian dài mới đến giai đoạn phát sinh thuế GTGT đầu ra để bù trừ nên thường phải mất rất nhiều năm để khấu trừ hết. Hậu quả là doanh nghiệp phải chịu chi phí dòng tiền, không đảm bảo nguyên tắc gián thu của thuế GTGT. Vì vậy việc áp dụng thuế GTGT với khâu trung gian là chuyển nhượng dự án không làm tăng ngân sách nhà nước nhưng vô tình tăng thêm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, đặc biệt là các chủ đầu tư không có đủ khả năng triển khai dự án phải chuyển nhượng nhưng vẫn phải nộp thuế GTGT.

Đề xuất: Bổ sung các trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT vào Nghị định số 181/2025/NĐ-CP, trong đó bao gồm hoạt động chuyển nhượng dự án.

Đề xuất nội dung trả lời:

- Tại điểm d khoản 9 Điều 5 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về đối tượng không chịu thuế như sau:

“d) Chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào tổ chức kinh tế khác (không phân biệt có thành lập hay không thành lập pháp nhân mới), chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bán theo quy định của pháp luật. Chuyển nhượng vốn quy định tại điểm này không bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản;”

- Tại điểm a khoản 2 Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về việc hoàn thuế đối với đầu tư như sau:

“a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật về đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng.”

Theo quy định của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 thì không có quy định các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT. Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư thì nộp thuế GTGT và được hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư nếu đáp ứng điều kiện theo quy định. Kiến nghị bổ sung chuyển nhượng dự án đầu tư vào các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT tại Nghị định số 181/2025/NĐ-CP là không phù hợp, không đảm bảo cơ sở pháp lý.

1.2. Nội dung kiến nghị tại STT 2 Phụ lục IV:

Chưa quy định rõ tiền sử dụng đất không được xem là doanh thu không chịu thuế GTGT khi xác định, phân bổ thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tương ứng của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT, gây nên khó khăn khi doanh nghiệp thực hiện phân bổ thuế GTGT đầu vào (cho hoạt động chịu thuế và không chịu thuế GTGT).

Đề xuất: Bổ sung điểm c vào khoản 2 Điều 23 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP:

“Điều 23. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng

...

2. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa (bao gồm cả tài sản cố định), dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ tính thuế. Trong đó:

...

c) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản doanh nghiệp đã xác định giá đất được trừ khi tính thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Nghị định này thì thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng được khấu trừ toàn bộ.”

Đề xuất nội dung trả lời:

Tại điểm b khoản 1 Điều 14 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào như sau:

“b) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra;”

Căn cứ quy định nêu trên về nguyên tắc cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ, trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra. Vì vậy, kiến nghị bổ sung vào Nghị định số 181/2025/NĐ-CP quy định số thuế GTGT đầu vào tương ứng của hoạt động kinh doanh bất động sản đã xác định giá đất được trừ khi tính thuế GTGT được khấu trừ toàn bộ là không phù hợp với quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào của Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15.

1.3. Nội dung kiến nghị tại STT 3 Phụ lục IV:

Quy định hiện nay chưa có cơ chế cho phép doanh nghiệp hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp số thuế GTGT chưa được khấu trừ hết trong tháng hoặc quý.

Đề xuất:

- *Bổ sung các cơ chế tại Điều 15 Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 và Mục 3 Nghị định số 181/2025/NĐ-CP cho phép hoàn thuế GTGT với số thuế GTGT lũy kế 12 tháng/04 quý liên tục chưa khấu trừ hết.*

- *Bổ sung quy định tại cấp độ Luật hoặc sửa đổi Nghị định số 181/2025/NĐ-CP theo hướng không áp dụng mức trần 10% hoàn thuế với hoạt động xuất khẩu.*

Đề xuất nội dung trả lời:

- Về kiến nghị bổ sung các cơ chế cho phép hoàn thuế GTGT với số thuế GTGT lũy kế 12 tháng/04 quý liên tục chưa khấu trừ hết:

Theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật số 106/2016/QH13 ngày 06/4/2016 thì pháp luật thuế GTGT quy định hoàn thuế GTGT đối với các trường hợp như: dự án đầu tư, hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo,... (không quy định hoàn thuế đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có số thuế GTGT lũy kế 12 tháng/04 quý liên tục chưa khấu trừ hết).

Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định hoàn thuế GTGT trên cơ sở cơ bản kế thừa quy định tại Luật số 106/2016/QH13 (không quy định hoàn thuế đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có số thuế GTGT lũy kế 12 tháng/04 quý liên tục chưa khấu trừ hết). Vì vậy, đề nghị Tập đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật thuế GTGT hiện hành.

- Về kiến nghị không áp dụng mức trần 10% hoàn thuế đối với hoạt động xuất khẩu:

Hàng hóa, dịch vụ mua vào của cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu có loại áp dụng thuế suất 10%, 5% hoặc không chịu thuế GTGT. Do vậy, quy định số thuế GTGT được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế là hợp lý (mức tối đa của thuế GTGT đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (nếu có)). Vì vậy, đề nghị Tập đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế GTGT hiện hành.

1.4. Nội dung kiến nghị tại STT 4 Phụ lục IV:

Trên thực tế, chứng từ thanh toán chỉ là một trong các chứng từ cần có để chứng minh tính hợp lý của chi phí được trừ. Do đó, Công ty kiến nghị giữ nguyên như quy định cũ (giới hạn 20 triệu) để thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đề xuất: Sửa đổi Nghị định số 181/2025/NĐ-CP theo hướng tăng giá trị hóa đơn đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào cần phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ 05 triệu đồng lên 20 triệu đồng.

Đề xuất nội dung trả lời:

Tại điểm b khoản 2 Điều 12 Luật Thuế GTGT số 13/2008/QH12 quy định như sau:

“2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được quy định như sau:

... b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng;”

Để thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp, theo đó Nghị định số 181/2025/NĐ-CP đã quy định phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 05 triệu đồng đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Mức quy định này thống nhất với quy định về giao dịch chỉ bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hiện hành. Do vậy, kiến nghị của Tập đoàn là không phù hợp với Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 của Thủ tướng Chính phủ.

1.5. Nội dung kiến nghị tại STT 5 Phụ lục IV:

Quy định hiện hành tại các văn bản pháp luật đang cho phép giảm 2% thuế GTGT đối với một số nhóm hàng hóa và ngành nghề dịch vụ, tuy nhiên không bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản. Việc mở rộng đối tượng cho phép hoạt động kinh doanh bất động sản cũng được áp dụng giảm thuế sẽ có tác động hết sức tích cực:

- Góp phần hỗ trợ ngành bất động sản vượt qua khó khăn kinh tế. Sự suy giảm nhu cầu, chi phí vay vốn cao và tình hình kinh tế biến động đã tạo áp lực lớn lên các doanh nghiệp bất động sản. Việc gia hạn thời gian nộp thuế sẽ giúp doanh nghiệp có thêm dòng tiền duy trì hoạt động và vượt qua khó khăn.

- Ngành bất động sản có vai trò quan trọng trong nền kinh tế, ảnh hưởng đến nhiều ngành nghề khác như xây dựng, vật liệu xây dựng, tài chính, lao động, v.v. Việc hỗ trợ ngành bất động sản sẽ có tác động tích cực đến chuỗi cung ứng liên quan, gián tiếp hỗ trợ và thúc đẩy nền kinh tế nói chung.

- Giúp đồng bộ các chính sách hỗ trợ, đảm bảo công bằng giữa các ngành nghề kinh tế. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm kích cầu và giảm khó khăn cho doanh nghiệp. Việc mở rộng chính sách giảm thuế cho bất động sản sẽ tạo sự nhất quán và tăng hiệu quả của các biện pháp này.

Đề xuất: Bổ sung đối tượng được giảm 2% thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh bất động sản.

Đề xuất nội dung trả lời:

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế -

xã hội quy định giảm 2% thuế suất thuế GTGT áp dụng đối với một số nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế GTGT 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ, trong đó bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản.

Ngày 17/6/2025, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 204/2025/QH15 về giảm thuế GTGT, theo đó tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế GTGT trong thời gian từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%), trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ không được giảm, trong đó vẫn bao gồm hoạt động kinh doanh bất động sản.

Vì vậy, đề nghị Tập đoàn thực hiện theo quy định của Nghị quyết số 204/2025/QH15 của Quốc hội về giảm thuế GTGT.

2. Kiến nghị liên quan đến Luật Thuế TTĐB:

2.1. Nội dung kiến nghị tại STT 1 Phụ lục IV:

Theo xu hướng phát triển toàn cầu, các ngành nghề lĩnh vực trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tới việc bảo vệ môi trường có ý nghĩa rất lớn đến việc phát triển lâu dài, bền vững của một quốc gia, vùng lãnh thổ. Việc đưa xe điện vào cuộc sống hàng ngày mang lại rất nhiều lợi ích như hạn chế tác động xấu tới môi trường, đảm bảo an toàn cho người sử dụng... qua đó giúp tiết kiệm Ngân sách nhà nước trong việc xử lý khí thải, giảm thiểu tình trạng quá tải do tai nạn giao thông gây ra với hệ thống y tế. Là một trong những nước bị ảnh hưởng nặng nhất của tình trạng Trái Đất nóng lên (mưa lụt, bão, nước biển dâng, xâm nhập mặn...), Việt Nam đã cam kết tại COP27 sẽ đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 trong bối cảnh nước ta vẫn đẩy mạnh công nghiệp hóa định hướng xuất khẩu và trở thành công xưởng của thế giới. Do vậy, việc thay thế xe xăng dầu bằng xe điện càng trở nên quan trọng.

Do đó, việc mở rộng, phát triển các cơ chế, chính sách ưu đãi đối với xe điện là cách Nhà nước ủng hộ những nỗ lực của các nhà sản xuất nhằm phát triển bền vững và toàn diện trong tiến trình thực hiện chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (“QĐ 876”) với kế hoạch tới năm 2040.

Đề xuất: Giảm thuế TTĐB xuống 0% để thúc đẩy doanh nghiệp trong nước phát triển sản xuất xe điện.

Đề xuất nội dung trả lời:

Thuế suất thuế TTĐB đối với ô tô điện được quy định tại Luật Thuế TTĐB, thuộc thẩm quyền của Quốc hội.

Đề sớm cụ thể hoá được chủ trương đường lối của Đảng và Nhà nước, tận dụng cơ hội hình thành chuỗi cung ứng vững chắc cho các doanh nghiệp tại Việt Nam sản xuất xe ô tô điện trong nước và xuất khẩu, góp phần giảm phát thải khí nhà kính trong ngành giao thông, tăng hiệu quả sử dụng năng lượng, khuyến khích phát triển nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo, ngày 11/01/2022,

Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế TTĐB và Luật Thi hành án dân sự, trong đó đã quy định thuế suất thuế TTĐB đối với xe ô tô điện chạy pin ở mức thấp và theo lộ trình, cụ thể: Từ 01/3/2022 đến 28/02/2027, thuế suất thuế TTĐB đối với xe điện chạy pin tùy theo số chỗ ngồi là 1%, 2%, 3% và từ 01/3/2027 trở đi là 4%, 7%, 11%. Đối với xe ô tô chạy điện khác áp dụng mức thuế suất từ 5%-15% (tùy theo số chỗ ngồi). Trong khi đó mức thuế suất thuế TTĐB đối với xe sử dụng xăng, nhiên liệu hóa thạch là từ 10%-150%.

Ngày 14/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Thuế TTĐB số 66/2025/QH15 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026, trong đó kế thừa quy định về ưu đãi thuế suất đối với xe điện chạy pin tại Luật số 03/2022/QH15 (với mức thuế suất thấp, ưu đãi cao nhất trong các loại xe cùng loại). Vì vậy, đề nghị Tập đoàn thực hiện theo quy định của pháp luật thuế TTĐB hiện hành.

2.2. Nội dung kiến nghị tại STT 2 Phụ lục IV:

Quy định hiện hành về thuế TTĐB áp dụng chung nguyên tắc về giá tính thuế TTĐB đối với trường hợp xe ô tô điện sản xuất trong nước và xe ô tô điện nhập khẩu nên chưa tạo cơ chế khuyến khích ngành công nghiệp sản xuất ô tô của Việt Nam.

Đề xuất: Bổ sung quy định giá tính thuế TTĐB với ô tô điện sản xuất trong nước được trừ giá trị linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước nhằm khuyến khích nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, phát triển ngành công nghiệp sản xuất ô tô, nâng cao năng lực cạnh tranh với ô tô nhập khẩu, trong bối cảnh thuế nhập khẩu đang dần về 0% theo các Hiệp định Thương mại tự do.

Đề xuất nội dung trả lời:

Trước ngày 01/7/2016, Luật Thuế TTĐB số 27/2008/QH12 quy định về giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu là giá tính thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu.

Để đảm bảo công bằng giữa hàng hóa nhập khẩu và hàng hóa sản xuất trong nước, tại khoản 1 Điều 2 của Luật số 106/2016/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế TTĐB và Luật Quản lý thuế quy định: “Đối với hàng hóa sản xuất trong nước, hàng hóa nhập khẩu là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra”. Theo đó, giá tính thuế TTĐB đối với mặt hàng ô tô từ 9 chỗ ngồi trở xuống sản xuất trong nước hay nhập khẩu đều là giá do cơ sở sản xuất, cơ sở nhập khẩu bán ra.

Về cam kết quốc tế, Việt Nam đã gia nhập WTO và đã ký 17 Hiệp định Thương mại tự do (FTA). Theo đó, Việt Nam luôn phải đảm bảo tuân thủ Quy tắc đối xử quốc gia (NT: national treatment) và các Hiệp định của WTO liên quan.

Theo kinh nghiệm quốc tế về thuế TTĐB đối với ô tô điện thì chưa có quốc gia nào có chính sách ưu đãi thuế TTĐB dưới hình thức quy định giá tính thuế TTĐB cho phép trừ đi giá trị linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước.

Theo đó, kiến nghị quy định giá tính thuế TTĐB với ô tô điện sản xuất trong nước được trừ giá trị linh kiện, phụ tùng sản xuất trong nước là không phù hợp với các nguyên tắc không phân biệt đối xử mà Việt Nam đã cam kết song phương và đa phương (WTO), sẽ vi phạm cam kết quốc tế của Việt Nam. Do vậy, đề nghị thực hiện theo quy định hiện hành về thuế TTĐB.

3. Kiến nghị liên quan đến dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) và dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN tại Phụ lục IV:

Bộ Tài chính đã nhận được các ý kiến đóng góp của Quý doanh nghiệp đối với dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) và dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế TNDN (Nghị định thuế TNDN). Các ý kiến tham gia đã được Cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ lưỡng và có giải trình, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) và dự thảo Nghị định thuế TNDN theo đúng trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Đến nay, đối với hồ sơ dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) đã được Chính phủ trình Quốc hội tại Tờ trình số 985/TTr-CP ngày 24/10/2025, Bộ Tài chính đang tiếp tục thực hiện các thủ tục tiếp theo để hoàn thiện dự thảo Luật Thuế TNCN (sửa đổi) theo quy trình của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Đối với hồ sơ dự thảo Nghị định thuế TNDN cũng đã được Bộ Tài chính gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính đã có Tờ trình Chính phủ số 805/TTr-BTC ngày 31/10/2025 về dự thảo Nghị định thuế TNDN.

Bộ Tài chính trả lời đề Tập đoàn được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để b/c);
- Bộ Tư pháp;
- Công Pháp luật quốc gia (để công khai);
- Vụ PC; Cục Thuế; Cục HQ; Cục QLN;
- Cục CNTT&CĐS (để đăng tải);
- Lưu: VT, CST (05b) *ly*

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ, GIÁM SÁT
CHÍNH SÁCH THUẾ, PHÍ VÀ LỆ PHÍ
PHÓ CỤC TRƯỞNG



Lưu Đức Huy